|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **KHOA THỦY SẢN** |  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

 **Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Nuôi trồng Thủy sản**

**1. Thông tin chung về học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| ***1.1. Mã học phần:*** | TS611035 |
| ***1.2. Tên học phần:***  | Chuyên đề tốt nghiệp |
| ***1.3. Tên tiếng Anh:***  |  |
| ***1.4. Số tín chỉ:***  | 4 (4 TH) |
| ***1.5. Phân bố thời gian*** |  |
| **-** Lý thuyết:  | 0 |
| - Thực hành:  | 120 |
| - Tự học:  | 240 |
| ***1.6. Quản lí, phụ trách học phần*** |  |
| - Khoa quản lí học phần: | Khoa Thủy sản |
| - Giảng viên phụ trách chính:  | Lê Thị Như Phương |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | Giảng viên khoa Thủy sản, trường Đại học Hạ Long |
| ***1.7. Điều kiện tham gia học phần*** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: |  |
| - Học phần học trước: | Tích lũy đủ 110 tín chỉ |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu học phần**

***2.1. Mục tiêu chung***

Học phần này giúp sinh viên hệ thống kiến thức chuyên ngành trước khi tốt nghiệp và rèn luyện sinh viên kỹ năng làm việc độc lập, phát huy sáng tạo, tổng hợp của sinh viên. Sinh viên có thể độc lập lựa chọn chuyên đề có chuyên môn phù hợp với bản thân và với ngành học với sự hướng dẫn của giáo viên trong trường và các cơ sở thực tập, sinh viên hoàn thành học phần và báo cáo trước hội đồng. Do đó giúp sinh viên kỹ năng tổng hợp kiến thức, tìm hiểu, phân tích, đánh giá và xử lý thông tin cũng như kỹ năng viết một báo cáo khoa học

***2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)***

*2.2.1. Về kiến thức*

- CO1: Có kiến thức về chuyên ngành để áp dụng vào chuyên đề tốt nghiệp.

*2.2.2. Về kỹ năng*

 - CO 2 : Có kỹ năng tổng hợp kiến thức, tìm hiểu, phân tích, đánh giá và xử lý số liệu cũng như kỹ năng viết một chuyên đề.

 - CO 3: Có kỹ năng trình bày, thảo luận các kết quả (số liệu) bằng cách thức phù hợp, ví dụ: bằng lời (nói), bằng văn bản (viết), bằng sử dụng bảng, biều, hình ảnh, đồ thị, hình vẽ, v.v....

 - CO 4: Có kỹ năng diễn giải kết quả nghiên cứu (thí nghiệm, khảo sát), đưa ra kết luận

*2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- CO 5: Có khả năng chủ động, nghiên cứu độc lập trong quá trình thực hiện chuyên đề tốt nghiệp

**3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần**

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

| **Ký hiệu** | **Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)** | **Hỗ trợ cho** **mục tiêu** |
| --- | --- | --- |
| CLO1 | Vận dụng được các kiến thức ngành, cơ sở ngành để thực hiện được chuyên đề tốt nghiệp phù hợp | CO 1CO 5 |
| CLO 2 | Ứng dụng được các kiến thức khoa học cơ bản và chuyên ngành trong việc triển khai nghiên cứu khoa học, bố trí thí nghiệm, xử lý số liệu và báo cáo khoa học trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản. | CO 2CO 3 |
| CLO 3 | Vận dụng được kiến thức khoa học để đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. | CO 4 |

**4. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A[[1]](#footnote-1) cụ thể như sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO**

| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLO 1 |  | M | M | R | M | M | M | M |  | I |  |  |
| CLO 2 |  | M | M | R | M | M | M | M |  | I |  |  |
| CL O 3 |  | M | M | R | M | M | M | M |  | I |  |  |
| Tổng hợp học phần |  | M | M | R | M | M | M | M |  | I |  |  |

**5. Học liệu**

Tùy thuộc vào các đề tài mà nguồn tài liệu bắt buộc và tham khảo khác nhau.

**6. Cấu trúc học phần**

- Địa điểm thực tập: Các cơ sở, doanh nghiệp SV có hướng chọn đề tài

- Tổng số tuần học: 8 tuần

**7. Kế hoạch dạy học**

Sinh viên chủ động trong quá trình thực hiện luận tốt nghiệp từ khi chọn chủ đề, viết đề cương chi tiết và triển khai các nội dung bắt đầu từ kỳ 7 và trao đổi với GVHD

**8. Đánh giá học phần**

**8.1. *Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá***

**Bảng 4: Kiểm tra - đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần, tên bài đánh giá**  | **Trọng số** | **Nội dung đánh giá**  | **Rubric****(đánh dấu x nếu có)** | **Hướng tới** **đánh giá CLOs** | **Cách thức đánh giá**  |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* |
| A1. Đánh giá chuyên cần | 20% | Có ý thức tham gia thực tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên  | X | CLO1, CLO2,CLO 3 | Rubric đánh giá chuyên cần(bảng 5) |
| A2. Đánh giá cuối kỳ | 80% | Báo cáo thu hoạch | X | CLO1,CLO2,CLO3 | Báo cáo(rubric đánh giá bài báo cáo tại bảng 6) |

***8.2. Tiêu chí đánh giá***

*8.2.1. Đánh giá chuyên cần*

**Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Điểm** | **Nội dung, tiêu chí đánh giá** |
| **Tham gia thực tập****(30%)** | **Ý thức** **tại cơ sở thực tập****(30%)** | **Ý thức tự học****(40%)** |
| 4 | - | - | Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu. |
| 3 | Dự đủ, đúng giờ 100% số buổi thực tập. | Tích cực thực tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi. | Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao. |
| 2 | Dự đủ, đúng giờ >= 90% số buổi thực tập | Có ý thức luyện tập, trao đổi, thảo luận. | Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao. |
| 1 | Dự đủ, đúng giờ >= 80% số buổi thực tập | Thực tập thụ động | Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao. |
| 0 | Tham dự ít hơn 80% số buổi thực tập, tự ý bỏ thực tập không có sự đồng ý của giáo viên\* Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần  | Thái độ thực tập không thích cực | Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao. |

*8.2.2. Thi kết thúc học phần*

- Nội dung: Những nội dung đã được thực tập

- Hình thức: báo cáo, vấn đáp

- Thời gian: 20 phút/sinh viên

**Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm** | **Trình bày****(30%)** | **Bản báo cáo****(30%)** | **Trả lời****(30%)** | **Trình chiếu****(10%)** |
| 3 | Trình bày đủ 100% nội dung; phong thái tự tin, thuyết phục; có sử dụng giao tiếp bằng mắt, ngôn ngữ cơ thể. | Giải quyết được 100% yêu cầu nhiệm vụ; các thông tin đảm bảo tính chính xác; trình bày đúng thể thức văn bản, văn phong khoa học, diễn đạt mạch lạc. | Trả lời được 100% câu hỏi của GV chấm thi; Trả lời lưu loát, tự tin, thể hiện sự nắm vững kiến thức. | - |
| 2 | Trình bày đủ ý nhưng phong thái thể hiện còn hạn chế. | Giải quyết được > 80% yêu cầu nhiệm vụ; các thông tin đảm bảo tính chính xác; trình bày đúng thể thức văn bản. | Trả lời được > 80% câu hỏi của GV chấm thi.  | - |
| 1 | Trình bày còn thiếu một số ý nhưng đạt >50% nội dung. | Giải quyết được > 50% yêu cầu nhiệm vụ; các thông tin đảm bảo tính chính xác; có một số hạn chế về trình bày báo cáo. | Trả lời được > 50% câu hỏi của GV chấm thi | Trình chiếu khoa học, rõ ràng, hỗ trợ hiệu quả cho phần thuyết trình. |
| 0 | Không trình bày được nội dung | Giải quyết được < 50% yêu cầu nhiệm vụ. | Trả lời được < 50% câu hỏi của GV chấm thi | Không có bản trình chiếu |

*Quảng Ninh, ngày….tháng….năm…..*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hiệu trưởng** | **Trưởng khoa** |  | **Người biên soạn****Lê Thị Như Phương** |

1. I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu; R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO vàở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu; A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT. [↑](#footnote-ref-1)